

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC  
SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 401/STTTT-BCXB

Bình Phước, ngày 15 tháng 6 năm 2016

V/v tuyên truyền các nội dung về Hiệp  
định thương mại tự do

TRUNG TÂM KHUYẾN CÔNG VÀ TƯ VẤN  
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

Số: 291  
Ngày: 16.6.16  
Chuyên: .....  
Lưu hồ sơ số: .....

Kính gửi:

- Các cơ quan báo chí;
- Đài truyền thanh, Truyền hình các huyện, thị xã;
- Các đơn vị hoạt động Trang thông tin điện tử.

Ngày 27/5/2016, Sở Thông tin và Truyền thông nhận được Công văn số 829/SCT-TM về việc phối hợp thông tin tuyên truyền các nội dung về Hiệp định thương mại tự do. Nhằm thông tin tuyên truyền đến các doanh nghiệp và người dân trên địa bàn tỉnh tiếp cận và nắm bắt kịp thời các thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế. Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị các cơ quan báo chí; Đài truyền thanh, Truyền hình các huyện, thị xã; Các đơn vị hoạt động Trang thông tin điện tử tuyên truyền một số nội dung về Hiệp định thương mại tự do (FTA). (Theo tài liệu của Sở Công thương biên soạn đính kèm)

Thời gian tuyên truyền: Từ ngày 20/6/2016 đến 31/12/2016.

Đề nghị các cơ quan báo chí; Đài truyền thanh, Truyền hình các huyện, thị xã; Các đơn vị hoạt động Trang thông tin điện tử triển khai phối hợp thực hiện tốt nội dung tuyên truyền nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD;
- Lưu: VT, BCXB



GIÁM ĐỐC

*Handwritten signature*

Vũ Sỹ Thắng

P.TV  
Thư ký  
16.6.16  
*Handwritten signature*

Handwritten red ink scribble or mark, possibly a signature or initials.

## Hỏi đáp về các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA)

Hiệp định Thương mại tự do (FTA) là kết quả chính thức của một quá trình thương lượng giữa hai hay nhiều quốc gia ký kết nhằm hạ thấp hoặc loại hẳn các rào cản đối với thương mại. Một FTA thường bao gồm những vấn đề quy định về thuế nhập khẩu, hạn ngạch và lệ phí đối với hàng hóa/dịch vụ được giao dịch giữa các thành viên ký kết FTA nhằm cho phép các nước mở rộng tiếp cận thị trường của nhau.

### **Câu hỏi:** Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) là gì?

*Trả lời:* Cho tới nay đã có rất nhiều các tổ chức và quốc gia khác nhau đưa ra các khái niệm về Hiệp định Thương mại Tự do cho riêng mình. Điều này thể hiện những quan điểm khác nhau về Hiệp định Thương mại Tự do cũng như sự phát triển đa dạng của các quốc gia. Tuy nhiên theo cách hiểu chung nhất, FTA là một thỏa thuận giữa hai hay nhiều quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nhằm mục đích tự do hóa thương mại về một hoặc một số nhóm mặt hàng nào đó bằng việc cắt giảm thuế quan, có các quy định tạo thuận lợi cho trao đổi hàng hóa, dịch vụ và đầu tư giữa các thành viên. Ngày nay, FTA còn có cả các nội dung mới về xúc tiến và tự do hóa đầu tư, chuyển giao công nghệ, lao động, môi trường...

### **Câu hỏi:** Nội dung chính của Hiệp định Thương mại Tự do gồm những gì?

*Trả lời:* Một Hiệp định Thương mại Tự do thông thường bao gồm những nội dung chính sau:

- Thứ nhất là quy định về việc cắt giảm các hàng rào thuế quan và phi thuế quan.

- Thứ hai là quy định danh mục mặt hàng đưa vào cắt giảm thuế quan. Thông lệ áp dụng chung là 90% thương mại.

- Thứ ba là quy định lộ trình cắt giảm thuế quan, khoảng thời gian cắt giảm thuế thường được kéo dài không quá 10 năm.

- Thứ tư là quy định về quy tắc xuất xứ.

Các nội dung khác đề cập tới vấn đề tự do hóa trong lĩnh vực dịch vụ và đầu tư, các biện pháp hạn chế định lượng, các rào cản kỹ thuật, quyền sở hữu trí tuệ, cạnh tranh, mua sắm chính phủ, lao động, bảo hiểm và môi trường...



- Tính toán kỹ giữa mặt thuận lợi và không thuận lợi, thời cơ và thách thức, năng lực trong nước và quốc tế trong đàm phán để đảm bảo nếu ký kết sẽ đem lại lợi ích quốc gia cao nhất; tạo cơ hội mới cho phát triển kinh tế - xã hội; nhất là xuất khẩu và thu hút đầu tư nước ngoài.

**Câu hỏi:** Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới chưa khởi sắc mà Việt Nam lại tham gia rất nhiều FTA, liệu có nguy cơ Việt Nam sẽ trở thành một thị trường tiêu thụ và công xưởng của các nước tham gia FTA? Có thể lý giải tại sao Việt Nam lại hội nhập sâu rộng trong thời điểm này?

**Trả lời:** Việt Nam chúng ta đang hội nhập sâu rộng là theo chủ trương nhất quán của Đảng và Nhà nước kể từ Đại hội VI. Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của ta đã được khởi động từ cách đây rất lâu. Sau khi có chủ trương Đổi Mới vào năm 1986 thì ngay năm 1991, Đại hội Đảng đã khẳng định chủ trương "đa dạng hóa" và "đa phương hóa" quan hệ kinh tế với các quốc gia, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài, tham gia vào các tổ chức, hiệp hội quốc tế khác khi cần thiết và có điều kiện.

Chủ trương này đã tiếp tục được làm giàu và phát triển thêm trong những năm sau. Đến năm 2006, khi chúng ta gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thì chủ trương là "chủ động", "tích cực" hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực khác. Đến Đại hội XI năm 2011, chủ trương tiếp tục được nâng tầm thành "hội nhập quốc tế". Bộ Chính trị ngay từ năm 2001 đã có Nghị quyết về hội nhập kinh tế quốc tế, giúp chúng ta có thể gia nhập WTO. Năm 2007, sau khi gia nhập WTO, Ban Chấp hành Trung ương có Nghị quyết về nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức. Gần đây nhất, tháng 4 năm 2013, Bộ Chính trị có Nghị quyết 22 về hội nhập quốc tế. Như vậy, việc tham gia các FTA là cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Đây là một chủ trương nhất quán, xuyên suốt, được thực hiện trong nhiều năm và không phụ thuộc và chu kỳ kinh tế thế giới.

Kinh tế có các giai đoạn thăng trầm khác nhau. Chúng ta không thể nói khi nào kinh tế thế giới hồi phục thì hội nhập, khi nào kinh tế thế giới trì trệ thì tạm dừng. Chưa kể, nếu đàm phán các hiệp định vào lúc kinh tế thế giới trì trệ và các hiệp định đó lại có hiệu lực thực hiện đúng vào lúc kinh tế thế giới phục hồi thì sẽ là tác động kép cho tăng trưởng kinh tế của chúng ta, giúp cho việc nắm bắt cơ hội do hiệp định mang lại được tốt hơn.

**Câu hỏi:** Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA)?

**Trả lời:** Việt Nam trở thành thành viên chính thức của ASEAN từ năm 1995. Việt Nam tham gia Chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung

trong bản Thỏa thuận Khung về Đối tác Kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản ký kết năm 2003.

Đàm phán Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện với Nhật Bản có cách tiếp cận hoàn toàn khác so với đàm phán trong khuôn khổ Khu vực thương mại tự do ASEAN-Trung Quốc, ASEAN- Hàn Quốc, đó là được kết hợp giữa đàm phán song phương và đàm phán đa phương. Việt Nam cùng với các nước ASEAN 6 đã tiến hành đàm phán với Nhật Bản trong cả hai khuôn khổ: Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện ASEAN- Nhật Bản (AJCEP) và Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam- Nhật Bản (VJEPA). Một số nét chính khi Nhật Bản thúc đẩy việc đàm phán trên cả hai kênh này:

- Tiến tới thành lập một khu vực thương mại tự do với ASEAN với mục tiêu biến ASEAN thành một khu vực sản xuất chung của Nhật Bản, tạo chuỗi liên kết các khu vực sản xuất của Nhật Bản giữa các nước ASEAN.

- Tiến hành đàm phán để đạt được lợi ích ở từng lĩnh vực cụ thể.

- Tự do hoá 90% kim ngạch trong vòng 10 năm (kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản năm 2006).

- Nhật Bản loại trừ các mặt hàng tập trung chủ yếu vào các sản phẩm nông nghiệp.

Thuế suất áp dụng cho từng giai đoạn trong Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ASEAN - Nhật Bản (Biểu AJCEP) hầu hết được cắt giảm theo mô hình cắt giảm dần đều từ thuế suất cơ sở hoặc có mô hình cắt giảm riêng đối với những dòng thuế thuộc danh mục nhạy cảm. Chính vì vậy, mức thuế suất bình quân áp dụng cho cả Biểu AJCEP theo từng năm trong lộ trình có chiều hướng giảm dần.

#### **Câu hỏi: Hiệp định thương mại tự do ASEAN- Ấn Độ?**

*Trả lời:* Hiệp định Khung về Hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN- Ấn Độ đã được ký kết ngày 8/10/2003 tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN- Ấn Độ ở Bali, Indonesia để thiết lập nên Khu vực Thương mại Tự do (AIFTA) vào năm 2011 với các nước ASEAN5 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Singapore và Thái Lan) và Ấn Độ, năm 2016 đối với Lào, Campuchia, Myanmar, Philipine và Việt Nam. Hiệp định Khung cũng quy định việc thực hiện một Chương trình thu hoạch sớm (EHP) với lộ trình tự do thương mại bắt đầu từ 1/11/2004 đến 30/10/2007 đối với ASEAN6 và Ấn độ, đến 30/10/2010 đối với CLMV. Do những bất đồng trong đàm phán về qui tắc xuất xứ hàng hóa và tiến trình đàm phán thương mại hàng hoá đã bị chậm lại so với quy định của Hiệp định Khung

Về mức cam kết chung, trong vòng 10 năm kể từ khi thực hiện Hiệp định, Việt Nam cam kết tự do hoá đối với khoảng 87,66% kim ngạch thương mại và Nhật Bản cam kết tự do hoá đối với 94,53% kim ngạch thương mại. Vào năm cuối của Lộ trình giảm thuế tức là sau 16 năm thực hiện Hiệp định, Việt Nam cam kết tự do hoá đối với 92,95% kim ngạch thương mại.

Biểu cam kết của Việt Nam bao gồm 9.390 dòng thuế (dựa trên Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN năm 2007), trong đó đưa vào lộ trình cắt giảm đối với 8.873 dòng thuế. Số dòng thuế còn lại là các dòng thuế ô tô chưa lắp ráp và các dòng thuế không cam kết cắt giảm.

**Câu hỏi: Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- Chi lê?**

*Trả lời:* Ngày 11-11-2011, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- Chile đã được ký kết tại Hawaii, Hoa Kỳ bên lề hội nghị APEC sau hơn 3 năm đàm phán. Hiệp định thương mại tự do (FTA) Việt Nam - Chile chính thức có hiệu lực kể từ ngày 1/1/2014. Hiệp định gồm có 14 chương, 104 điều, 8 phụ lục và chỉ trong lĩnh vực hàng hóa. Chile cam kết xóa bỏ thuế cho 99,62% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Chile trong thời hạn không quá 10 năm. Trong đó, 83,54% số dòng thuế và 81,8% kim ngạch sẽ được hưởng thuế 0% ngay sau khi hiệp định có hiệu lực (thủy sản, cà phê, chè, dầu thô, rau quả, thịt gia súc, giấy dếp và một số hàng dệt may). 537 dòng thuế, chiếm 6,96% số dòng thuế và 4,6% kim ngạch xuất khẩu sẽ được xóa bỏ thuế trong vòng 5 năm. 704 dòng thuế, chiếm 9,12% số dòng thuế và 13,6% kim ngạch sẽ được xóa bỏ thuế sau 10 năm. Danh mục loại trừ có 29 dòng thuế, chiếm 0,38% số dòng thuế và 0% kim ngạch xuất khẩu (Việt Nam không xuất khẩu những mặt hàng này). Một số mặt hàng dệt may, 203 dòng giảm ngay về 0%, 17 dòng thuế giảm về 0% sau 5 năm. Các mặt hàng thủy sản, cà phê, chè, máy tính và linh kiện từ mức thuế 6% giảm ngay về 0% ngay khi hiệp định có hiệu lực...

Lộ trình giảm thuế của Việt Nam: xóa bỏ 87,8% số dòng thuế (91,22% kim ngạch nhập khẩu từ Chile năm 2007) trong vòng 15 năm. Các dòng thuế còn lại (12,2%) được chia vào các danh mục: Loại trừ, 374 dòng thuế, chiếm 4,08% số dòng thuế. Giữ nguyên thuế suất cơ sở (mức thuế tại thời điểm ký hiệp định: 309 dòng thuế, chiếm 3,37% số dòng thuế). Giảm thuế một phần: 435 dòng thuế, chiếm 4,75% số dòng thuế thí dụ như rượu vang.

**Câu hỏi: Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á- Âu (EEUV-FTA)?**

*Trả lời:* Hiệp định được khởi động đàm phán từ tháng 3/2013 giữa Việt Nam và 3 nước Nga, Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan với lúc đầu được gọi là Hiệp định



dịch vụ, quy tắc xuất xứ, hải quan, biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật, hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại, đầu tư, mua sắm chính phủ, cạnh tranh, doanh nghiệp nhà nước, giải quyết tranh chấp, sở hữu trí tuệ và phát triển bền vững.

Theo cam kết của EVFTA, Việt Nam và EU sẽ xóa bỏ thuế nhập khẩu đối với hơn 99% số dòng thuế. Đối với rất ít số dòng thuế còn lại, hai bên sẽ dành cho nhau hạn ngạch thuế quan hoặc cắt giảm thuế quan một phần. Trong lĩnh vực đầu tư, các cam kết nhằm đảm bảo một môi trường đầu tư, kinh doanh cởi mở, thông thoáng hơn trong EVFTA được xem là sẽ giúp thúc đẩy luồng vốn đầu tư chất lượng cao của EU và cả các đối tác khác vào Việt Nam. Khi hiệp định được thực hiện, tất cả các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như: dệt may, giày dép, thủy sản, nông sản và của EU như máy móc, thiết bị, ô tô, xe máy, đồ uống có cồn, nông sản sẽ được hưởng ưu đãi hơn khi tiếp cận thị trường của EU.

Các doanh nghiệp, nhà đầu tư EU cũng được hưởng ưu đãi hơn khi đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam, đặc biệt trong các lĩnh vực mà các doanh nghiệp EU có thế mạnh như dịch vụ tài chính, phân phối, vận tải...

#### **Câu hỏi: Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là gì?**

*Trả lời:* TPP là Hiệp định đối tác thương mại tự do châu Á Thái Bình Dương là một thỏa thuận thương mại được đàm phán giữa 12 nước thuộc khu vực Thái Bình Dương, bao gồm Mỹ, Nhật Bản, Việt Nam, Australia, Chile, Singapore, Brunei, Malaysia, New Zealand, Peru, Mexico, Canada. Ngày 5 tháng 10 năm 2015, Bộ Trưởng của 12 nước tham gia TPP đã tuyên bố kết thúc đàm phán.

#### **Đặc điểm của TPP?**

*Trả lời:* TPP có 5 đặc điểm chính mang tính bước ngoặt của thế kỷ 21, tạo ra một tiêu chuẩn mới cho thương mại toàn cầu trong khi vẫn đề cập tới các vấn đề mang tính thế hệ mới. Đó là:

· Tiếp cận thị trường một cách toàn diện: Hiệp định TPP cắt giảm thuế quan và các hàng rào phi thuế về căn bản đối với tất cả thương mại hàng hóa và dịch vụ và điều chỉnh toàn bộ các lĩnh vực về thương mại trong đó có thương mại hàng hóa, dịch vụ và đầu tư nhằm tạo ra các cơ hội và lợi ích mới cho doanh nghiệp, người lao động và người tiêu dùng của các nước thành viên.

· Tiếp cận mang tính khu vực trong việc đưa ra các cam kết: Hiệp định TPP tạo thuận lợi cho việc phát triển sản xuất và dây chuyền cung ứng, cũng như

*Trả lời:* Về cơ bản, các FTA đã đóng góp tích cực vào quá trình thúc đẩy xuất khẩu, nâng cao hiệu quả nhập khẩu, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ trong nước. Trong đó, kết quả thương mại với các nước đã ký FTA có cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu mang tính bổ sung cho cơ cấu của ta (Nhật Bản, Hàn Quốc, Liên minh Kinh tế Á-Âu) được thay đổi theo hướng tích cực (tăng xuất khẩu, giảm nhập khẩu) hơn là với các nước có cơ cấu xuất nhập khẩu tương đồng (Trung Quốc)

**Câu hỏi:** Ngày nay, FTA là trào lưu và xu thế của hội nhập kinh tế quốc tế. Xin cho biết rõ hơn những lợi ích chính của Việt Nam khi tham gia các FTA?

*Trả lời:* Lợi ích đầu tiên là cơ hội mới cho phát triển xuất khẩu. Có thể thấy rất rõ cơ hội này khi các nước xóa bỏ thuế nhập khẩu cho hàng hóa của ta. Bên cạnh đó, khi tham gia vào các hiệp định bao gồm nhiều nước, thí dụ như Hiệp định TPP, cơ hội để ta tham gia vào một chuỗi cung ứng mới hình thành trong khu vực sẽ rất cao. Nếu ta trở thành một thành tố, một mắt xích trong dây chuyền cung ứng đó thì khả năng phục hồi sản xuất và phát triển ra phạm vi toàn cầu sẽ lớn hơn nhiều so với việc tự đi tìm thị trường.

Việc tham gia các FTA còn giúp chúng ta có điều kiện cơ cấu lại thị trường xuất nhập khẩu theo hướng cân bằng hơn. Trong kinh doanh xuất nhập khẩu và quan hệ thương mại quốc tế, có một điều mà người ta muốn tránh là phụ thuộc quá mức vào một khu vực thị trường nào đó. Cho đến nay, 70% nhập khẩu của chúng ta đến từ khu vực Đông Á và hơn 50% xuất khẩu là vào khu vực này. Nếu có tình huống bất lợi nào đó xảy ra trong khu vực thì xuất nhập khẩu lập tức sẽ bị ảnh hưởng. Trong khi đó, xuất khẩu lại là động lực chính của tăng trưởng GDP. Vì vậy, ta có nhu cầu cân bằng lại thị trường, dẫn đến việc đàm phán các hiệp định thương mại tự do với Liên minh Châu Âu, Liên minh Kinh tế Á - Âu và các nước trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Các hiệp định này sẽ giúp chúng ta cân bằng lại thị trường xuất nhập khẩu của mình. Đây là một định hướng chiến lược.

Nếu có quan hệ FTA thì khi đi vào các thị trường như EU, Hoa Kỳ, ta sẽ có lợi thế trong trung hạn trước các đối thủ cạnh tranh, đặc biệt là các đối thủ trong khu vực.

Thêm vào đó, các FTA thế hệ mới còn có một tác động rất quan trọng là giúp ta hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, một định hướng lớn của Đảng, và hỗ trợ tích cực trong tiến trình tái cơ cấu nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng.



khẩu cũng là một rào cản cho hàng xuất khẩu Việt Nam, hàng nông sản của Việt Nam có thể bị mắc ở rào cản về các biện pháp vệ sinh dịch tễ. Những quy định này nằm trong tay các nước nhập khẩu và hoàn toàn có thể bị lạm dụng để trở thành rào cản không cho hàng Việt Nam xâm nhập.

Khi Việt Nam ký kết tham gia các FTA có nghĩa là doanh nghiệp Việt Nam sẽ được tham gia thị trường thương mại có quy mô lớn, được hưởng nhiều ưu đãi, nhiều tiềm năng. Tuy nhiên, nếu không khai thác tốt, các doanh nghiệp Việt Nam không chỉ mất cơ hội chiếm lĩnh thị trường khu vực, mà mất thị trường trong nước bởi các doanh nghiệp, các tập đoàn xuyên quốc gia thâm nhập thị trường Việt Nam.

Công nghiệp hỗ trợ và dịch vụ logistics chưa thể phát triển nhanh nên chi phí đầu vào và đầu ra của nền kinh tế sẽ còn cao so với một số nước trong khu vực. Lợi thế cạnh tranh “động” của nền kinh tế trong cạnh tranh toàn cầu thời kỳ tới tiếp tục phải vượt qua những trở ngại về chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng quản trị quốc gia của Chính phủ, về môi trường cạnh tranh quốc gia và một số vấn đề an sinh xã hội... Đó là những vấn đề cơ bản khi tham gia các FTA.

**Câu hỏi:** Việt Nam đã ký kết và đang tham gia đàm phán tổng cộng 15 FTA. Nhiều người băn khoăn rằng, liệu các Hiệp định này có bị chồng lấn nhau và có sự xung đột hay không, ví dụ: có lợi cho lĩnh vực này nhưng lại bất lợi cho lĩnh vực khác?

*Trả lời:* Vấn đề này được nhiều chuyên gia kinh tế quan tâm. Họ cho rằng với bất kỳ nước nào, việc tham gia nhiều FTA sẽ khiến chính sách thương mại của quốc gia đó bị phân mảnh, khó điều hành.

Chính phủ, trong quá trình điều hành tham gia, đàm phán, ký kết các FTA trước đây, đã rút ra kinh nghiệm này. Vì vậy, Chính phủ đã có chỉ đạo từ rất sớm về việc xây dựng một chiến lược đàm phán và tham gia các FTA. Chiến lược này đưa ra một loạt nguyên tắc chủ đạo mà trước hết là nguyên tắc lựa chọn đối tác. Sau đó là các nguyên tắc chủ đạo về mục tiêu, phải đạt bằng được lợi ích gì, chấp nhận những thách thức nào, chấp nhận tới đâu và theo lộ trình như thế nào. Đặc biệt, các FTA phải tạo ra lực đẩy cùng chiều với nỗ lực cải cách trong nước của ta như tái cơ cấu, đổi mới mô hình tăng trưởng, cải cách doanh nghiệp Nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh..., không tạo ra tác động ngược làm chậm tiến trình cải cách trong nước.

Khi đã có những nguyên tắc lớn như thế, sẽ có sự nhất quán trong việc đưa ra yêu cầu đàm phán (tức là đáp ứng lợi ích của mình) và trong việc chấp

kết các hiệp định để giúp cho các doanh nghiệp có cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

**Câu hỏi:** Nếu không có sự chuẩn bị chủ động thì khó có thể tận dụng được thời cơ. Vậy có thể cho biết vai trò của Nhà nước là gì để giảm thiểu sự thụ động khi tham gia các FTA? Làm cách nào để tăng cường tính chủ động của các doanh nghiệp?

**Trả lời:** Nhà nước phải tạo ra môi trường, Nhà nước phải tạo ra sức ép thay đổi từ bên trong để các doanh nghiệp sẵn sàng hơn với hội nhập quốc tế. Nếu như chúng ta xâu chuỗi hàng loạt hoạt động gần đây của Nhà nước như cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, khắc phục các tín hiệu thị trường lệch lạc (đưa giá điện, giá than về đúng giá thị trường), đẩy mạnh cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước, giảm dần tiến tới xóa bỏ hoàn toàn những ưu đãi, ưu ái không hợp lý... thì sẽ thấy Nhà nước đang nỗ lực tạo một môi trường "trung tính" để nguồn lực đi vào đúng chỗ có lợi thế cạnh tranh. Khi ta tạo ra môi trường thực sự cạnh tranh như vậy, doanh nghiệp nào mạnh sẽ là mạnh thật, có sức đề kháng thật và tính linh hoạt của cả nền kinh tế sẽ được nâng cao. Nếu nền kinh tế có tính linh hoạt cao thì đứng trước các thách thức, sẽ dễ thay đổi hơn. Chỉ khi nào chúng ta làm được điều đó thì mới nắm bắt được các cơ hội do các hiệp định thương mại tự do cấp độ cao mang lại.

Trong thời gian qua Nhà nước, đặc biệt là Chính phủ, đã nhìn thấy điều này. Thủ tướng Chính phủ đã đặt ra yêu cầu rất cao về cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng. Chúng ta đang đi đúng hướng, tạo ra môi trường cạnh tranh, tăng sức ép với các doanh nghiệp để buộc họ phải suy nghĩ về hội nhập kinh tế quốc tế một cách thực tế và chủ động hơn.

**Câu hỏi:** Khi doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang đối tác có quan hệ FTA với Việt Nam cần lưu ý điều gì?

**Trả lời:** Doanh nghiệp cần chủ động tra cứu đồng thuế mà loại hàng hóa doanh nghiệp xuất khẩu. Cần điền vào form mẫu CO do cơ quan có thẩm quyền cấp. Lưu ý, doanh nghiệp nên chọn form mẫu CO có đồng thuế thấp nhất để khai. Thông thường, FTA song phương có đồng thuế thấp nhất, tiếp đến là FTA hỗn hợp cuối cùng là đồng thuế cam kết trong WTO.

**Câu hỏi:** Xét về tổng thể, doanh nghiệp cần phải làm gì để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức khi Việt Nam tham gia hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng?



c) Áp dụng các đối xử đặc biệt, khác biệt và linh hoạt cho các nước thành viên mới của ASEAN

d) Áp dụng linh hoạt cho các Bên trong đàm phán FTA đối với các khu vực nhạy cảm của lĩnh vực hàng hoá, dịch vụ và đầu tư. Sự linh hoạt này sẽ được đàm phán và cùng thống nhất thoả thuận dựa trên nguyên tắc có đi có lại và cùng có lợi.

e) Thiết lập các biện pháp tạo thuận lợi đầu tư và thương mại có hiệu quả, gồm không hạn chế việc đơn giản hoá thủ tục hải quan và các thoả thuận công nhận lẫn nhau.

f) Mở rộng hợp tác kinh tế ra các lĩnh vực khác nhằm hỗ trợ tăng cường đầu tư và thương mại giữa ASEAN và Hàn Quốc, hình thành nên các chương trình hành động để thực hiện các lĩnh vực hợp tác.

**Câu hỏi: Các sản phẩm, mặt hàng nào sẽ phải cắt giảm hay xoá bỏ thuế nhập khẩu trong AKFTA**

*Trả lời:* Hầu hết các mặt hàng trong biểu thuế thuế nhập khẩu của các nước sẽ tham gia thực hiện cắt giảm và xoá bỏ thuế nhập khẩu trong AKFTA (90% các mặt hàng sẽ phải xoá bỏ hoàn toàn thuế nhập khẩu, số còn lại phải sẽ cắt giảm xuống một mức nhất định)

**Câu hỏi: Có thể tìm thấy Danh mục cắt giảm thuế hàng năm của các nước ASEAN và Hàn Quốc ở đâu?**

*Trả lời:* Có thể liên hệ với Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Tài chính để được cung cấp thông tin về các Danh mục này. Trong thời gian tới, Bộ Tài chính sẽ cập nhật các thông tin này lên trang Web của Bộ Tài chính ([www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)) để tạo điều kiện tham khảo thuận lợi cho các đối tượng có quan tâm. Ngoài ra, các thông tin này cũng đã được đăng trên trang Web Bộ Tài chính hoặc Tổng cục Hải quan của các nước ASEAN và Hàn Quốc.

**Câu hỏi: Tiêu chí nào được sử dụng để xác định xuất xứ hàng hoá ASEAN-Hàn Quốc**

*Trả lời:* Hàng hóa nhập khẩu vào lãnh thổ của một nước thành viên tham gia AKFTA sẽ được coi là có xuất xứ và đủ điều kiện để được hưởng ưu đãi thuế quan nếu hàng hóa đó đáp ứng một trong các quy định về xuất xứ dưới đây:

a) Sử dụng tiêu chí “sản phẩm thuần túy”: Có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ tại lãnh thổ của một nước thành viên xuất khẩu. Tiêu chí



Email: [hoquangtrung@mof.gov.vn](mailto:hoquangtrung@mof.gov.vn) Email: [hadytung@mof.gov.vn](mailto:hadytung@mof.gov.vn)

Mr. Phạm Quang Minh

Ms. Lê Thị Hồng Ngọc

Tel: 84-4-824 5531

Tel: 84-4-8720121

2 Fax: 84-4-826 4696

Fax: 84-4-8725909

Email: [minhpa@mof.gov.vn](mailto:minhpa@mof.gov.vn)

Email: [lehg\\_ngoc@yahoo.com](mailto:lehg_ngoc@yahoo.com)

**Câu hỏi::** Khi cần thông tin về AKFTA thì liên hệ với ai để hỏi?

**Trả lời:** Doanh nghiệp có thể liên hệ với:

- Về thủ tục hải quan xuất nhập khẩu: Vụ Giám sát quản lý của Tổng cục Hải quan (địa chỉ: 162 Nguyễn Văn Cừ, Gia Lâm, Hà Nội)

- Về xuất xứ hàng hoá: Vụ Xuất nhập khẩu của Bộ Thương mại (địa chỉ: 21 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội)

- Về thuế suất AKFTA: Vụ Hợp tác Quốc tế của Bộ Tài chính (địa chỉ: 28 Trần Hưng Đạo - Hà Nội. Fax. 220.8109).

**Câu hỏi:** Cách thức xác định mức thuế suất nhập khẩu AKFTA cho một sản phẩm nhập khẩu từ ASEAN-Hàn Quốc, có C/O Mẫu AK và được vận chuyển thẳng như thế nào?

**Trả lời:** Nhà nhập khẩu thực hiện các bước sau để xác định thuế suất AKFTA cho mặt hàng nhập khẩu của mình:

**Bước 1:** tra cứu Biểu thuế AKFTA của Việt Nam để xác định xem mặt hàng nhập khẩu có thuộc Biểu thuế AKFTA của Việt Nam hay không. Nếu không thuộc thì áp dụng thuế MFN hiện hành. Nếu thuộc thì chuyển sang **Bước 2**.

**Bước 2:** tra cứu cột số (4) của Biểu thuế xem nếu mức xuất khẩu mặt hàng này có tên trong cột số (4) hay không, nếu không có thì áp dụng mức thuế suất AKFTA ở cột số (3), nếu có thì áp dụng thuế MFN hiện hành.

**Trường hợp mặt hàng có thể hiện ký hiệu "GIC" tại cột số (5) của Biểu thuế thì C/O hợp lệ là C/O Mẫu AK có thể hiện dòng chữ "Rule 6" tại ô số 8 của C/O đó.**

**Lưu ý:** trong mọi trường hợp, nếu thuế suất MFN hiện hành thấp hơn mức thuế suất AKFTA áp dụng ở các **Bước** nêu trên thì nhà nhập khẩu được quyền áp dụng thuế suất MFN thấp hơn đó.

hợp lệ trong thời hạn được chậm nộp 30 ngày thì cơ quan hải quan sẽ tính lại thuế theo mức thuế suất AKFTA tương ứng, nếu quá thời hạn được chậm nộp nhưng C/O vẫn còn hiệu lực thì vẫn C/O đó vẫn được chấp nhận để tính lại thuế nhưng sẽ bị áp dụng một số biện pháp xử phạt theo quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về Hải quan.

Sáu tháng kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền cấp C/O Mẫu AK của nước xuất khẩu cấp là thời hạn hiệu lực của C/O Mẫu AK đó.

Như vậy, người khai hải quan phải đảm bảo xuất trình C/O Mẫu AK còn giá trị hiệu lực trong thời hạn nêu trên.

Một năm kể từ ngày giao hàng là thời hạn cấp C/O Mẫu AK cấp sau. Điều đó có nghĩa là khi hàng đã được xuất khẩu trong vòng một năm thì vẫn có thể xem xét cấp C/O Mẫu AK (ghi rõ là C/O Mẫu AK cấp sau), ngược lại khi hàng đã được xuất khẩu trên một năm thì không được cấp C/O Mẫu AK nữa. Trường hợp hàng đã xuất khẩu được cấp C/O Mẫu AK cấp sau thì vẫn phải đảm bảo C/O Mẫu AK còn giá trị hiệu lực và được xuất trình cho cơ quan hải quan trong thời hạn nêu trên.

**Câu hỏi: Tôi là một doanh nghiệp nhập khẩu, khi phát hiện C/O Mẫu AK có sai sót thì phải làm thế nào?**

*Trả lời:* Người khai hải quan hoặc nhà nhập khẩu không được phép tự ý gạch xoá hoặc viết thêm vào C/O Mẫu AK. Những sai sót nhỏ trong C/O Mẫu AK có thể được cơ quan hải quan xem xét chấp nhận nếu trên thực tế C/O Mẫu AK này phù hợp hàng hoá thực tế đã kê khai.

Trường hợp phải sửa đổi lại C/O Mẫu AK, người khai hải quan hoặc nhà nhập khẩu phải gửi C/O Mẫu AK bị sai sót lại cho người khai C/O Mẫu AK để người khai C/O Mẫu AK tiến hành sửa đổi bằng cách gạch đi những chỗ sai và thêm vào những chỗ cần thiết. Việc sửa đổi này phải do chính người khai C/O Mẫu AK thực hiện. Những khoảng trống không dùng đến phải được gạch chéo để ngăn chặn việc có thêm những sửa đổi sau đó. Toàn bộ công việc này phải được cơ quan có thẩm quyền cấp C/O Mẫu AK của nước xuất khẩu chứng nhận.

**Câu hỏi: Khi có vướng mắc với cơ quan hải quan và chờ kết quả kiểm tra, hàng nhập khẩu có thể vẫn được thông quan không?**

*Trả lời:* Khi có vướng mắc, cơ quan Hải quan có thể giải phóng hàng hóa cho những nhà nhập khẩu đang phải chịu những biện pháp hành chính cần thiết và cam kết thực hiện theo quyết định của cơ quan hải quan sau khi có kết quả

*Trả lời:* Công ty phải xem liệu mặt hàng xuất khẩu của mình có đáp ứng các điều kiện được hưởng thuế suất AKFTA của nước nhập khẩu không. Cụ thể gồm:

(a) Mặt hàng có đáp ứng tiêu chí xuất xứ ASEAN-Hàn Quốc, thể hiện bằng C/O Mẫu AK, hay không?

(b) Mặt hàng có trong Biểu thuế AKFTA của nước nhập khẩu hay không?

(c) Mặt hàng có được vận chuyển thẳng sang nước nhập khẩu hay không?

d.1) Mặt hàng có thuộc Danh mục hàng hoá thông thường thực hiện AKFTA của Việt Nam hay không?

d.2) Nếu mặt hàng thuộc Danh mục nhạy cảm của Việt Nam thì thuế suất MFN (hoặc mức thuế suất AKFTA trong trường hợp danh mục nhạy cảm đã có lộ trình giảm thuế theo AKFTA) bằng hoặc thấp hơn 10% hay không?

Đáp ứng tất cả các điều kiện trên, hàng của Công ty sẽ được áp dụng thuế suất AKFTA của nước xuất khẩu. Công ty có thể tiến hành kiểm tra theo các bước sau đây:

- Bước 1: tra cứu xem mặt hàng xuất khẩu có nằm trong Danh mục thực hiện AKFTA của nước nhập khẩu hay không.

- Bước 2: tra cứu xem mặt hàng xuất khẩu nằm trong danh mục nào của Việt Nam, nếu nằm trong Danh mục nhạy cảm thì thuế suất MFN/AKFTA có bằng hoặc thấp hơn 10% hay không.

- Bước 3: liên hệ với cơ quan được ủy quyền cấp C/O Mẫu AK của Việt Nam để xem hàng xuất khẩu có phải xin Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá Mẫu AK không. Trường hợp phải kiểm tra, Công ty nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận kiểm tra xuất xứ hàng hoá cho cơ quan giám định hàng hoá được phép cấp.

Để kiểm tra điều kiện (a): cơ quan liên hệ là cơ quan có thẩm quyền được Bộ Thương mại uỷ quyền cấp C/O Mẫu AK.

Để kiểm tra điều kiện (b): có thể liên hệ nhà nhập khẩu, Bộ Công Thương hoặc Bộ Tài chính (Vụ Hợp tác Quốc tế) để có thông tin.

Để kiểm tra điều kiện (d): có thể liên hệ Bộ Tài chính (Vụ Hợp tác Quốc tế) để có thông tin.